

252 đề Toán luyện thi Violympic lớp 3

Đề thi tự luyện nâng cao lớp 3

Bài 1: Tìm x

a) $x - 452 = 77 + 48$

b) $x + 58 = 64 + 58$

c) $x - 1 - 2 - 3 - 4 = 0$

Bài 2: Thứ năm tuần này là ngày 25 tháng 3. Hỏi thứ năm tuần sau là ngày nào?

Bài 3: Khối lớp 3 có 169 bạn được chia vào các lớp 3A, 3B, 3C, 3D, 3E sao cho mỗi lớp có nhiều hơn 32 bạn. Hỏi mỗi lớp có bao nhiêu bạn, biết rằng lớp 3A có ít bạn hơn mỗi lớp còn lại.

Bài 4: Một quãng đường AB dài 102 km. ở A có cột mốc ghi số 0 km là cột mốc thứ nhất và cứ sau 1 km lại có một cột mốc lần lượt ghi 1km, 2km ... đến B có cột mốc ghi số 102 km. Hỏi có bao nhiêu cột mốc trên quãng đường AB? Cột mốc chính giữa quãng đường AB là cột mốc thứ mấy và ghi số nào?

Bài 5: Một thửa vườn hình chữ nhật có chiều rộng 30m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Người ta muốn làm một hàng rào xung quanh thửa ruộng đó (có để 2 cửa ra vào, mỗi cửa rộng 3 m) . Hỏi hàng rào đó dài bao nhiêu m?

Bài 6: An, Bình, Hoà được cụ giáo cho một số nhãn vở. Nếu An cho Bình 6 nhãn vở, Bình lại cho Hoà 4 nhãn vở thì số nhãn vở của mỗi bạn đều bằng 12 cái. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có mấy nhãn vở?

Bài 7: Viết biểu sau thành tích 2 thừa số rồi tính giá trị của biểu thức đó:

a) $15 \times 5 + 3 \times 5 + 5 \times 2 - 10 \times 5$

b) $(24 + 6 \times 5 + 6) - (12 + 6 \times 3)$

c) $23 + 39 + 37 + 21 + 34 + 26$

Bài 8: Bạn An viết dãy số: 1, 0, 0, 1, 0, 0, 1, 0, 0, 1... (Bắt đầu là số 1, tiếp đến 2 số 0 rồi lại đến số 1, ...) Hỏi:

a) Số hạng thứ 31 là số 1 hay số 0?

b) Khi viết đến số hạng thứ 100 thì ta viết bao nhiêu số 1, bao nhiêu số 0?

Bài 9: Tích của hai số là 75. Bạn A viết thêm chữ số 0 vào bên phải thừa số thứ nhất và giữ nguyên thừa số thứ hai rồi nhân hai số với nhau. Hỏi tích mới là bao nhiêu?

Bài 10: Người ta cần xe ô tô có 40 chỗ ngồi để chở 195 người đi dự hội nghị. Hỏi ít nhất phải điều mấy xe ô tô cùng loại để chở hết số người đi dự hội nghị?

Bài 11: Một hình chữ nhật có chiều rộng 12 cm. Biết chu vi gấp 6 lần chiều rộng, tính chiều dài hình chữ nhật đó.

Bài 12: Anh đi từ nhà đến trường hết $\frac{1}{6}$ giờ. Em đi từ nhà đến trường hết $\frac{1}{3}$ giờ. Hỏi ai đi nhanh hơn? Nếu em đi học mà đi trước anh 5 phút thì anh có đuổi kịp em không? Nếu có, thì đuổi kịp chỗ nào trên quãng đường đó?

Bài 13: Tính giá trị của biểu thức :

a) $2 + 4 + 6 + 8 + \dots + 34 + 36 + 38 + 40$

b) $1 + 3 + 5 + 7 + \dots + 35 + 37 + 39$

Bài 14: Hiện tại em học lớp 1, còn anh học lớp 6. Hỏi sau 5 năm nữa anh học hơn em mấy lớp, Biết rằng mỗi năm mỗi người đều được lên lớp?

Bài 15: Gia đình bạn Bình có 3 người thì bình quân mỗi người thu nhập được 250 nghìn đồng một tháng. Nếu gia đình bạn Bình thêm 3 người nữa mà tổng thu nhập không thay đổi thì bình quân mỗi người thu nhập được bao nhiêu nghìn đồng một tháng?

Bài 16: Một hình chữ nhật có 2 lần chiều rộng thì hơn chiều dài 5m. Nhưng 2 lần chiều dài lại hơn 2 lần chiều rộng 10m. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

Bài 17: Lúc đầu nhà trường thuê 3 xe ô tô để chở vừa đủ 120 học sinh khối lớp 3 đi tham quan. Sau đó có thêm 80 học sinh khối lớp 4 đi cùng. Hỏi phải thuê tất cả bao nhiêu ô tô cùng loại để chở học sinh khối lớp 3 và khối lớp 4 đi tham quan.

Bài 18: Biết $\frac{1}{3}$ tấm vải đỏ dài bằng $\frac{1}{4}$ tấm vải xanh, cả hai tấm vải dài 84m. Hỏi mỗi tấm vải dài bao nhiêu m?

Bài 19: Tính giá trị của biểu thức :

a) $2004 - \underline{5 + 5 + 5 + \dots + 5}$

Có 100 số 5

b) $1850 + \underline{4 - (4 + 4 + 4 + \dots + 4)}$

Có 50 số 4

Bài 20: Hiệu hai số bằng 76. Nếu thêm vào số bị trừ 12 và giữ nguyên số trừ thì hiệu hai số thay đổi như thế nào? Tính hiệu đó.

Bài 21: Hãy nêu “qui luật” viết các số trong dãy số sau rồi viết tiếp 3 số nữa:

a) 1, 4, 7, 10, ... b) 45, 40, 35, 30, ... c) 1, 2, 4, 8, 16, ...

Bài 22: Cô giáo có 5 gói kẹo, mỗi gói có 24 chiếc. Cô chia đều cho các cháu ở lớp mẫu giáo, mỗi cháu được 5 cái kẹo. Hỏi lớp đó có bao nhiêu cháu?

Bài 23: Tìm thương của hai số biết thương đó gấp 2 lần số bé nhưng chỉ bằng nửa số lớn.

Bài 24: Một hình chữ nhật có chu vi 72cm. Nếu giảm chiều rộng đi 6cm và giữ nguyên chiều dài thì diện tích giảm đi 120cm².

Tính chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật đó.

Bài 25: Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) $100 + 100 : 4 - 50 : 2$

b) $(6 \times 8 - 48) : (10 + 11 + 12 + 13 + 14 + 15)$

Bài 26: Cho dãy số : 2, 4, 6, 8, 10, 12, ... Hỏi:

a) Số hạng thứ 20 là số nào?

b) Số 93 có ở trong dãy trên không? Vì sao?

Bài 27: Tìm số có 3 chữ số, biết rằng khi xoá bỏ chữ số 7 ở hàng đơn vị, ta được số mới kém số phải tìm là 331.

Bài 28: Người ta trồng chuối xung quanh một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng là 8m, chiều rộng bằng $\frac{1}{5}$ chiều dài. Hỏi xung quanh mảnh đất đó trồng được bao nhiêu cây chuối, biết rằng hai cây chuối trồng cách nhau 4m?

Bài 29: Có hai ngăn sách. Cô thư viện cho lớp 3A mượn $\frac{1}{3}$ số sách ở ngăn thứ nhất, cho lớp 3B mượn $\frac{1}{5}$ số sách ở ngăn thứ hai. Như vậy mỗi lớp đều được mượn 30 cuốn. Hỏi số sách còn lại ở ngăn thứ hai nhiều hơn số sách còn lại ở ngăn thứ nhất là bao nhiêu cuốn?

Bài 30: Em đi học lúc 7 giờ và đến trường lúc 7 giờ 20 phút. Hỏi em đã đi hết bao nhiêu phút?

Bài 31: Tìm x :

a) $x + 100 - \underbrace{4 + 4 + 4 + \dots + 4 + 4}_{\text{Có 45 số 4}} = 320$

b) $x : 2 : 3 = 765 : 9$

Bài 32: Thùng thứ nhất chứa 160l dầu, thùng thứ hai chứa 115l dầu. Người ta lấy ra ở mỗi thùng số lít dầu như nhau thì số dầu còn lại ở thùng thứ nhất gấp 4 lần số dầu còn lại ở thùng thứ hai. Hỏi mỗi thùng lấy ra bao nhiêu lít dầu?

Bài 33: Hiện nay tuổi mẹ hơn tổng số tuổi của Hạnh và Thanh là 10 tuổi. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa tổng số tuổi của Hạnh và Thanh bằng tuổi mẹ?

Bài 34: Tổng hai số là 64. Nếu lấy số lớn chia cho số bé thì được thương là 5 và dư là 4. Tìm hiệu hai số đó.

Bài 35: Một hình chữ nhật có chu vi là 80cm. Nếu tăng chiều dài 5cm thì diện tích tăng 75cm². Tính chiều dài, chiều rộng hình chữ nhật đó.

Bài 36: Cùng một quãng đường, ô tô thứ nhất chạy hết $\frac{1}{4}$ giờ, ô tô thứ hai chạy hết 16 phút, ô tô thứ ba chạy hết $\frac{1}{5}$ giờ. Hỏi ô tô nào chạy nhanh nhất?

Bài 37: Để đánh số trang một cuốn sách dày 150 trang người ta cần dùng bao nhiêu chữ số?

Bài 38: Tìm số có ba chữ số biết rằng chữ số hàng trăm và hàng đơn vị gấp kém nhau 4 lần và chữ số hàng chục hơn chữ số hàng trăm là 8.

Bài 39: Khi nhân số $\overline{1ab}$ với 7, bạn An quên mất chữ số 1 ở hàng trăm. Hỏi tích bị giảm đi bao nhiêu đơn vị?

Bài 40: Tấm vải xanh dài gấp 3 lần tấm vải đỏ. Cửa hàng đã bán được 7m vải đỏ và 37m vải xanh, như vậy số một vải còn lại ở hai tấm bằng nhau. Hỏi lúc chưa bán, mỗi tấm vải dài bao nhiêu mét?

Bài 41: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 14m. Nếu chiều rộng tăng 2m, chiều dài giảm 3m thì mảnh đất đó trở thành hình vuông.

Tính chu vi mảnh đất đó.

Bài 42: Hiện nay con 8 tuổi, tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con. Hỏi trước đây mấy năm tuổi con bằng $\frac{1}{5}$ tuổi mẹ.

Bài 43: Tìm x :

a) $x + 175 = 1482 - 1225$

b) $x - 850 = 1000 - 850$

c) $999 - x = 999 - 921$

Bài 44: Bạn An đem số bi của mình chia cho một số em thì mỗi em được 3 hòn bi. Bạn Bình đem chia số bi của mình có chia cho cùng một số em đó thì mỗi em được 6 hòn bi. Hỏi số bi của Bình gấp mấy lần số bi của An?

Bài 45: Hiệu của hai số là 8. Nếu lấy số lớn chia cho số bé thì được thương là 1 và còn dư. Tìm số dư đó.

Bài 46: Hiện nay tuổi mẹ hơn tổng số tuổi hai con là 20 tuổi. Hỏi 5 năm nữa tuổi mẹ hơn tổng số tuổi hai con là bao nhiêu tuổi?

Bài 47: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 12m, biết rằng 3 lần chiều rộng thì bằng 2 lần chiều dài. Tính chu vi mảnh đất đó.

Bài 48: Trong vườn có 35 cây gồm vải, nhãn, hồng xiêm. Số cây hồng xiêm bằng $\frac{1}{7}$ số cây trong vườn. Số cây nhãn bằng $\frac{1}{2}$ số cây vải. Hỏi mỗi loại có bao nhiêu cây?

Bài 49: Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) $37 \times 18 - 9 \times 14 + 100$

b) $15 \times 2 + 15 \times 3 - 15 \times 5$

c) $52 + 37 + 48 + 63$

Bài 50: Hai số có hiệu là 95. Nếu xóa bỏ chữ số 5 ở tận cùng của số lớn thì ta được số bé. Tìm tổng hai số đó.

Bài 51: Trong một trò chơi, học sinh lớp 3A xếp thành một vòng tròn. Các bạn xếp xen kẽ: bắt đầu là 1 bạn nam, 1 bạn nữ rồi lại đến 1 bạn nam, 1 bạn nữ, cuối cùng là 1 bạn nữ. Tất cả có 20 bạn nam. Hỏi lớp 3A có bao nhiêu bạn?

Bài 52:

a) Biết 16 chia cho x được 4. Hỏi 64 chia cho x được mấy? 80 chia cho x được mấy?

b) Nếu số a chia cho 5 được thương là 15, số c chia cho 15 được thương là 5 thì tổng (a+c) chia cho 2 được thương là bao nhiêu?

Bài 53: Nếu bớt một cạnh hình vuông đi 4cm thì được hình chữ nhật có diện tích kém diện tích hình vuông 60cm^2 . Tính chu vi hình vuông đó.

Bài 54: Mẹ mang ra chợ bán 25 quả cam và 75 quả quýt. Buổi sáng mẹ đã bán được một số cam và quýt, còn lại $\frac{1}{5}$ số cam và $\frac{1}{5}$ số quýt để đến chiều bán nốt. Hỏi mẹ đã bán được bao nhiêu quả cam, bao nhiêu quả quýt?

Bài 55: Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) $9 - 8 + 7 - 6 + 5 - 4 + 3 - 2 + 1 - 0$

b) $815 - 23 - 77 + 185$

Bài 56: Tìm số có hai chữ số, biết rằng khi viết thêm chữ số 2 vào bên trái số đó ta được số mới gấp 9 lần số đã cho.

Bài 57: Tổng của một số với 26 lớn hơn 26 là 45 đơn vị. Tìm hiệu của số đó với 26.

Bài 58: Trong túi có ba loại bi: bi đỏ, bi vàng và bi xanh. Biết rằng số bi của cả túi nhiều hơn tổng số bi vàng và bi đỏ là 15 viên, số bi xanh ít hơn số bi vàng là 3 viên và nhiều hơn bi đỏ là 4 viên. Hỏi trong túi có bao nhiêu viên bi?

Bài 59: Một hình vuông có chu vi là 24cm. Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng cạnh của hình vuông và biết 3 lần cạnh hình vuông thì bằng 2 lần chiều dài hình chữ nhật. Tính diện tích mỗi hình đó.

Bài 60: Bạn Tâm được $\frac{1}{3}$ gói kẹo nhỏ, bạn Thắng được $\frac{1}{5}$ gói kẹo to, như vậy hai bạn được số kẹo bằng nhau. Biết số kẹo ở gói to nhiều hơn số kẹo ở gói nhỏ là 20 cái. Hỏi mỗi gói kẹo có bao nhiêu cái?

Bài 61: Tính bằng cách thuận tiện nhất :

d) $38 + 42 + 46 + 50 + 54 + 58 + 62$

e) $11 + 137 + 72 + 63 + 128 + 89$

Bài 62: Tìm ba số, biết số thứ nhất gấp 3 lần số thứ hai, số thứ hai bé hơn số thứ ba là 5 và tổng cả ba số là 55.

Bài 63: Một tiết học bắt đầu lúc 8 giờ và đến 9 giờ kém 20 phút thì xong tiết học đó. Hỏi thời gian tiết học đó là bao nhiêu phút?

Bài 64: Cho đoạn thẳng AB dài 8cm. Tìm trung điểm M của đoạn thẳng AB, Trung điểm N của đoạn thẳng AM, Trung điểm P của đoạn thẳng NB.

Bài 65: Con ngỗng và con gà cân nặng bằng con thỏ và con vịt. Vịt nặng hơn gà 2kg. Hỏi ngỗng và thỏ con nào nặng hơn và nặng hơn mấy ki-lô-gam?

Bài 66: Hồng hỏi Cúc : “Bây giờ là mấy giờ chiều?”. Cúc trả lời: “Thời gian từ lúc 12 giờ trưa đến bây giờ bằng $\frac{1}{3}$ thời gian từ bây giờ đến nửa đêm (tức 12 giờ đêm hôm nay)”. Em hãy tính xem bây giờ là mấy giờ.

Bài 67: Từ ba chữ số 3, 4, 5 viết tất cả các số có ba chữ số khác nhau (Mỗi chữ số không lặp lại). Có bao nhiêu số như thế?

Cũng hỏi như vậy với ba chữ số 3, 0, 5

Bài 68: Viết thêm chữ số 3 vào bên phải một số, ta được số mới hơn số phải tìm 273 đơn vị. Tìm số đó.

Bài 69: Lớp 3A ngồi đủ 9 bàn học, mỗi bàn 4 chỗ ngồi. Bây giờ cần thay bàn 2 chỗ ngồi thì phải kê vào lớp đó bao nhiêu bàn 2 chỗ ngồi như vậy để đủ chỗ ngồi học cho cả lớp?

Bài 70: Tích của 2 số là 645. Tìm thừa số thứ nhất, biết rằng thêm 5 đơn vị vào thừa số thứ hai thì tích mới sẽ là 860

Bài 71: Biết chu vi một hình chữ nhật gấp 6 lần chiều rộng. Hỏi chiều dài hình chữ nhật đó gấp mấy lần chiều rộng?

Bài 72: Biết trong thùng có số quýt nhiều hơn cam là 8 quả. Mẹ đã lấy ra 2 quả quýt và 2 quả cam cho hai anh em. Như vậy còn lại ở trong thùng số quýt gấp đôi số cam. Hỏi lúc đầu trong thùng có bao nhiêu quả cam, bao nhiêu quả quýt ?

Bài 73: Tìm x:

a) $x : 5 = 27 \times 5$

b) $x \times 7 = 36 \times 7$

c) $x \times 132 = 312 \times (5 - 3 - 2)$

Bài 74: Bình nhân một số với 3 thì được 375. Hỏi nhân số đó với 6 thì được bao nhiêu ?

Bài 75: Tổng hai số là 92. Nếu xóa bỏ chữ số tận cùng bên trái của số hạng thứ nhất ta được số hạng thứ hai. Tìm hiệu hai số đó.

Bài 76: Túi thứ nhất đựng 18kg gạo, gấp 3 lần túi thứ hai. Hỏi phải lấy ở túi thứ nhất bao nhiêu kg gạo đổ sang túi thứ hai để số gạo ở hai túi bằng nhau ?

Bài 77: Túi thứ nhất đựng 8kg gạo bằng $\frac{1}{3}$ túi thứ hai. Hỏi túi thứ hai đựng nhiều hơn túi thứ nhất bao nhiêu kg gạo ? Số gạo đựng trong cả hai túi gấp mấy lần số gạo đựng trong túi thứ nhất ?

Bài 78: Trong túi có 10 viên bi đỏ, 9 viên bi xanh, 11 viên bi vàng và 4 viên bi trắng. Hỏi không nhìn vào túi, phải lấy ra ít nhất bao nhiêu viên bi để chắc chắn có ít nhất 6 viên bi cùng một màu ?

Bài 79: So sánh A và B : (không tính kết quả cụ thể)

$$a) \quad A = \overline{abc} + \overline{mn} + 352 \qquad B = \overline{3bc} + \overline{5n} + \overline{am2}$$

$$b) \quad A = a \times (b + 1) \qquad B = b \times (a + 1) \quad (\text{với } a > b)$$

$$c) \quad A = 28 \times 5 \times 30 \qquad B = 29 \times 5 \times 29$$

Bài 80: Trong một phép trừ, tổng của số bị trừ, số trừ và hiệu là 100. Tìm số bị trừ.

Bài 81: Mai nghĩ một số có ba chữ số mà tổng các chữ số của nó bằng 19. Nếu trừ số đó đi 52, rồi trừ tiếp cho 48 thì được một số có hai chữ số. Tìm số Mai đã nghĩ.

Bài 82: Em hãy chọn đáp án đúng :

Ngày 30 tháng 7 là chủ nhật thì ngày 2 tháng 8 năm đó là :

A. Thứ hai B. Thứ ba C. Thứ tư D. Thứ năm

Bài 83: Biết gà nhiều hơn thỏ là 15 con và số thỏ bằng $\frac{1}{4}$ số gà. Hỏi cả gà và thỏ có bao nhiêu chân ?

Bài 84: Tìm hiệu, tích và thương của hai số, biết tổng hai số đó là 15 và tổng gấp 3 lần số bé.

Bài 85: Tính bằng cách thuận tiện nhất :

$$a) \quad 16 \times 8 + 16 \times 2$$

$$b) \quad 16 \times 7 + 14 \times 2$$

$$c) \quad 8 \times 12 - 16$$

Bài 86:

a) An nghĩ một số. Biết rằng số đó gấp 5 lần số lớn nhất có hai chữ số. Tìm số An đã nghĩ.

b) Bình nghĩ một số. Biết rằng số bé nhất có 3 chữ số kém số đó 7 lần. Tìm số Bình đã nghĩ.

Bài 87: Một số gồm ba chữ số 2, 3, 4 nhưng chưa biết thứ tự các chữ số đó. Nếu xoá đi một chữ số thì số đó giảm đi 380 đơn vị. Tìm chữ số bị xoá và cho biết chữ số bị xoá ở trong số nào ?

Bài 88: Có ba hộp, mỗi hộp đựng một số bút chì. Bạn An lấy 6 bút chì từ hộp thứ nhất chuyển sang hộp thứ hai, rồi lại lấy 4 bút chì ở hộp thứ hai chuyển sang hộp thứ ba, cuối cùng lấy 2 bút chì ở hộp thứ ba chuyển sang hộp thứ nhất. Bây giờ trong mỗi hộp có đúng một tá bút chì. Hỏi lúc đầu mỗi hộp có bao nhiêu bút chì ?

Bài 89: Người ta xay 100 kg thóc thì được 70 kg gạo. Hỏi:

a) Xay 200 kg thóc thì được bao nhiêu kg gạo ?

b) Để xay được 7 kg gạo thì cần đựng bao nhiêu kg thóc ?

Bài 90: Tổ Một lớp 3A có 12 bạn, trong đó số nam bằng $\frac{1}{2}$ số nữ. Hỏi trong tổ đó số nam ít hơn số nữ mấy người ?

Bài 91: Có 9 chữ số viết liền nhau 120317495. Giữ nguyên thứ tự các chữ số, em hãy xóa đi 6 chữ số để được số có 3 chữ số:

- Lớn nhất, số đó là số nào?
- Bé nhất, số đó là số nào?

Bài 92: Lan nghĩ một số có hai chữ số. Nếu cộng số đó với 52, được bao nhiêu cộng thêm 48 thì được một số có tổng các chữ số bằng 19. Tìm số Lan đã nghĩ.

Bài 93: Cô giáo cử ba bạn Mai, Hoa, Hồng vào phụ trách sao nhi đồng của ba lớp 3A, 3B, 3C. Hỏi có bao nhiêu cách cử mỗi bạn vào mỗi lớp đó ?

Bài 94: Có bốn đội công nhân. Biết rằng nếu gấp đôi số người ở đội Một thì được số người ở đội Ba, còn nếu giảm số người ở đội Bốn đi 2 lần thì được số người ở đội Hai, tổng số người ở đội Một và đội Hai là 30 người. Hỏi 4 đội công nhân có tất cả bao nhiêu người?

Bài 95: Tuổi của bố Mai, mẹ Mai và tuổi của Mai cộng lại là 70 tuổi. Mẹ và Mai cù tất cả 35 tuổi. Bố hơn Mai 30 tuổi. Hỏi tuổi của mỗi người.

Bài 95: Một hình chữ nhật có chiều dài 40cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{5}$ chiều dài. Tính chu vi, diện tích hình chữ nhật ấy.

Bài 96: Không cần tính kết quả cụ thể, em cho biết hai tổng sau có bằng nhau không? Vì sao?

$$A = 123 + 456 + 78 + 90$$

$$B = 498 + 76 + 153 + 20$$

Bài 97: Từ ba chữ số 5, 2, 3 An lập tất cả các số có hai chữ số khác nhau, rồi tính tổng các số vừa lập đó. Em hãy giúp An tính nhanh tổng đó.

Bài 98: Hiện tại em học lớp Một, còn anh học lớp 6. Hỏi sau 5 năm nữa anh học hơn em mấy lớp, biết rằng mỗi năm mỗi người đều được lên lớp.

Bài 99: Bạn An chia một số cho 12 thì được thương là 5. Hỏi chia số đó cho 2 thì được thương là bao nhiêu.

Bài 100: Một hình chữ nhật có chiều dài 60cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài.

- a) Tính chu vi hình chữ nhật đó.
- b) Chu vi hình chữ nhật gấp mấy lần chiều rộng.

Bài 101: Lớp 3A có 45 học sinh được kiểm tra môn toán, trong đó $\frac{1}{3}$ số học sinh của lớp đạt điểm 10, $\frac{1}{5}$ số học sinh của lớp đạt điểm 9, $\frac{1}{9}$ số học sinh của lớp đạt điểm 8, còn lại đạt điểm 7. Hỏi lớp 3A có mấy em đạt điểm 10, đạt điểm 9, đạt điểm 8, đạt điểm 7?

Bài 102: Tìm ab:

- a) $ab \times 3 = 100 + ab$
- b) $ab + a = 46$ (a hơn b là 2)
- c) $ab - a = 43$ (b hơn a là 3)

Bài 103: Hiệu hai số bằng số lớn nhất có hai chữ số. Nếu bớt số bị trừ 20 và giữ nguyên số trừ thì hiệu hai số thay đổi thế nào? Tính hiệu đó.

Bài 104: Năm ngoái tổng số tuổi của hai anh em là 30 tuổi. Biết $\frac{1}{3}$ tuổi anh thì bằng $\frac{1}{2}$ tuổi em. Tính tuổi hiện nay của anh và của em.

Bài 105: Tổ công nhân thứ nhất có 15 người. Tổ thứ hai có số người gấp 2 lần tổ thứ nhất. Tổ thứ ba có số người kém tổ thứ hai 9 người. Tổ thứ tư có số người bằng $\frac{1}{3}$ tổng số người của ba tổ trên. Hỏi tổ thứ tư có bao nhiêu người?

Bài 106: Hai số có thương là 18. Nếu giữ nguyên số bị chia và gấp số chia lên 2 lần thì thương hai số là bao nhiêu?

Bài 107: Một hình vuông có diện tích là 81 cm². Tính chu vi hình vuông đó.

Bài 108: Tìm x:

- a) $32405 + x + 10\,176 + x = 72\,455$
- b) $x - 48\,515 + 21\,142 = 54\,147$
- c) $54\,914 = x - 21\,312 + 1548$
- d) $89\,675 - (x + x) = 48\,341$

Bài 109: Có hai can đựng dầu, can thứ nhất có 18l. Nếu can thứ hai bớt đi 7l thì số dầu còn lại ít hơn can thứ nhất 2l. Hỏi cả hai can có bao nhiêu lít dầu?

Bài 110: Bạn Hoàng viết dãy số:

2; 1; 1; 2; 1; 1; 2; 1; 1; 2; 1; 1; ...

a) Hỏi số thứ 55 là số 1 hay số 2?

b) Khi viết tới số 96 thì đã viết được bao nhiêu chữ số 1? Bao nhiêu chữ số 2?

Bài 111:

a) Tìm một số, biết rằng số đó bằng tổng của số lớn nhất có ba chữ số với hiệu của 32 và 19.

b) Hoà nghĩ một số, số đó bằng hiệu của 76 và 39. Tìm số Hoà nghĩ.

Bài 112: Hiện nay mẹ hơn con là 24 tuổi. Biết $\frac{1}{3}$ tuổi con bằng $\frac{1}{5}$ tuổi mẹ. Tính tuổi mẹ và tuổi con hiện nay.

Bài 113: Tìm hai số biết số lớn chia cho ba lần số bé thì được thương là 8. Số lớn chia cho 2 lần thương thì được kết quả là 1.

Bài 114: Không tìm kết quả hãy điền dấu ($>$, $<$, $=$) thích hợp vào ô trống.

a) 89×5 86×7

b) 25×10 29×6

Bài 115 : Số bị trừ hơn số trừ 15. Số trừ hơn hiệu hai số là 15. Tìm số bị trừ, số trừ.

Bài 116: Năm ngoái Trang hỏi mẹ bao nhiêu tuổi. Mẹ bảo Trang: “Nếu con lấy nửa tuổi mẹ hiện nay cộng với 5 thì được tuổi mẹ cách đây 15 năm”. Hãy tính tuổi mẹ Trang hiện nay.

Bài 117: Tích hai số là 994. Nếu giữ nguyên số thứ nhất và giảm số thứ hai đi 3 đơn vị thì được tích mới là 568. Tìm hai số đó.

Bài 119: Trại nuôi gà nhà bác Hoa có số gà mái gấp 4 lần số gà trống. Sau khi bán đi 300 con gà mái và 30 con gà trống thì số gà mái và số gà trống còn lại bằng nhau. Tính số gà mái, gà trống trước khi bán.

Bài 120: Một hình chữ nhật có chiều dài 40cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{5}$ chiều dài. Tính chu vi, diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 121: Tìm x:

a) $x - 452 = 77 + 48$

b) $x + 58 = 64 + 58$

c) $x - 1 - 2 - 3 - 4 = 0$

Bài 122: Từ ba chữ số a,b,c khác 0 và khác nhau. Em hãy lập tất cả các số có hai chữ số khác nhau, rồi tính tổng các số vừa lập đó. Biết $a + b + c = 10$.

Bài 123: Tìm số chẵn có ba chữ số, biết rằng chữ số hàng trăm gấp 2 lần chữ số hàng đơn vị và bằng $\frac{1}{2}$ chữ số hàng chục.

Bài 124: Tích của hai số là 75 và gấp 5 lần thừa số thứ hai. Hỏi tích đó gấp mấy lần thừa số thứ nhất?

Bài 125: Có 12 con chim đậu ở cành trên, số chim đậu ở cành dưới nhiều hơn cành trên là 4 con. Bây giờ 5 con ở cành trên đậu xuống cành dưới, hỏi bây giờ số chim ở cành dưới so với số chim ở cành trên thì gấp mấy lần?

Bài 126: Mẹ sinh con năm mẹ 24 tuổi. Khi tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con thì mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?

Bài 127: Tìm tổng x:

a) $x = 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10$

b) $x = 2 + 4 + 6 + 8 + 10 + 12 + 14 + 16 + 18 + 20$

c) $x = 1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 11 + 13 + 15 + 17 + 19$

Bài 128: Từ ba chữ số 5, 2, 3 An lập tất cả các số có hai chữ số khác nhau, rồi tính tổng các số vừa lập đó. Em hãy giúp An tính nhanh tổng đó.

Bài 129: An nghĩ một số. Nếu gấp số đó lên 3 lần rồi cộng với 15 thì được 90. Tìm số An đã nghĩ.

Bài 130: Tháng Hai của một năm nào đó có 5 ngày chủ nhật. Hãy cho biết các ngày chủ nhật trong tháng Hai của năm đó là các ngày nào.

Bài 131: Hình tam giác ABC có 3 cạnh bằng nhau. Hình tứ giác MNPQ có 4 cạnh bằng nhau. Biết cạnh hình tam giác dài hơn cạnh hình tứ giác là 10 cm và chu vi hai hình đó bằng nhau. Tìm độ dài cạnh của hình tam giác ABC và hình tứ giác MNPQ.

Bài 132: Đầu năm nhà trường tuyển vào lớp học phổ cập được 40 học sinh và đóng đủ 10 bàn ghế để các em học. Sau đó lại vận động thêm được một số em vào lớp nữa, nên phải đóng tất cả 12 bộ bàn ghế cùng loại đó mới đủ chỗ cho các em học sinh. Hỏi số học sinh vận động vào lớp là bao nhiêu em?

Bài 133: Tìm x:

a) $x + 175 = 1482 - 1225$

b) $x - 850 = 1000 - 850$

c) $999 - x = 999 - 921$

Bài 134: Lấy ba chữ số 5, 2, 1 làm chữ số hàng chục và lấy hai chữ số 4, 6 làm chữ số hàng đơn vị. Hỏi có bao nhiêu số có hai chữ số như vậy?

Bài 135:

a) Gấp đôi một nửa của 48 là bao nhiêu?

b) Lấy một nửa của 12 đôi đũa thì được mấy chiếc đũa?

Bài 136: Tìm chu vi hình tứ giác ABCD, biết cạnh AB = 16cm, BC = 10cm, cạnh CD bằng nửa tổng AB và BC. Cạnh AD gấp đôi hiệu của AB và BC.

Bài 137: An, Bình, Hoà được cụ giáo cho một số nhãn vở. Nếu An cho Bình 6 nhãn vở, Bình lại cho Hoà 4 nhãn vở thì số nhãn vở của mỗi bạn đều bằng 12 cái. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có mấy nhãn vở?

Bài 138: Hiện nay tuổi anh gấp 3 lần tuổi em. Hỏi khi tuổi em tăng gấp đôi thì lúc đó tuổi anh gấp mấy lần tuổi em?

Bài 139: So sánh hai số m và n biết:

a) m là số lớn nhất có hai chữ số, n là số bé nhất có ba chữ số.

b) $m = 100 \times 3 + 10 \times 7 + 5$ và $n = 375$

c) m là số liền sau số 99, n là số liền trước 100.

Bài 140: Từ ba chữ số 2, 3, 8 ta lập được một số có ba chữ số khác nhau là A. Từ hai chữ số 2, 8 ta lập được một số có hai chữ số khác nhau là B. Tìm số A và B biết hiệu giữa A và B là 750.

Bài 141: Nối mỗi điểm A, B, C, D với mỗi điểm M, N thì được tất cả bao nhiêu đoạn thẳng?

Bài 142: Trong một phép chia có dư, lấy số bị chia trừ đi tích của số chia và số thương thì được 5 đơn vị. Tìm số dư trong phép chia đó.

Bài 143: Khối lớp 3 của trường Đoàn Kết gồm ba lớp: 3A, 3B, 3C. Số học sinh của cả khối nhiều hơn số học sinh của lớp 3C là 80 bạn. Lớp 3B có ít hơn lớp 3A là 2 bạn. Hỏi lớp 3B có bao nhiêu học sinh?

Bài 144: Có một tuần ở nhà hộ sinh có 8 em bé ra đời. Có thể nói chắc chắn có ít nhất 2 em bộ sinh cùng một ngày được không? Vì sao?

Bài 145: Điền dấu (>, =, <) vào ô trống

a) $13 \times x \quad \square \quad 12 \times x$

b) 215×3 $215 + 215 + 215 + 215$

c) $m \times n$ $m - n$ (n khác 0 và m lớn hơn hoặc bằng n)

Bài 146: Có một sợi dây dài 150cm. Bạn Mai cắt thành các đoạn bằng nhau, mỗi đoạn dài 10cm. Hỏi:

- a) Có bao nhiêu đoạn như vậy?
b) Phải cần đến bao nhiêu nhất cắt?

Bài 147: Trong một phép trừ, số bị trừ hơn hiệu là 15. Tìm số trừ của phép trừ đó.

Bài 148: Một cửa hàng trong 4 ngày bán được 150m vải. Hỏi mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải? Biết rằng số vải bán được trong hai ngày đầu bằng nhau, ngày thứ ba bán ít hơn ngày đầu 16m còn ngày thứ tư bán nhiều hơn ngày thứ hai 14m.

Bài 149: Ba đồ Tí: “Cả gà và thỏ đếm được 24 chân. Biết số đầu gà gấp đôi số đầu thỏ. Đồ bạn biết có mấy con gà, mấy con thỏ”? Em hãy giúp Tí giải bài toán này.

Bài 150: Một hình chữ nhật có chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính chu vi hình chữ nhật đó, biết diện tích của nó là 32cm².

Bài 151: Tìm số có hai chữ số biết tích của hai chữ số đó bằng 12.

Bài 152: Tổng của hai số hơn số hạng thứ nhất là 15. Tìm số hạng thứ hai.

Bài 153: Một số gồm ba chữ số 1, 3, 5 nhưng chưa biết thứ tự các chữ số đó. Nếu xoá đi một chữ số thì ta được số mới bằng thương của số cũ chia cho 9. Hỏi chữ số đã xoá là chữ số nào? ở trong số nào?

Bài 154: Bình nghĩ một số. Nếu số đó trừ đi 12, được bao nhiêu đem chia cho 5 thì có kết quả là 6. Tìm số Bình nghĩ.

Bài 155: Trong một cuộc thi làm hoa, bạn Hồng đã làm được 25 bông hoa. Tính ra bạn Hồng làm ít hơn bạn Mai 5 bông và chỉ bằng một nửa số bông hoa của bạn Hoà. Hỏi cả ba bạn đã làm được bao nhiêu bông hoa?

Bài 156: Hiện nay con 8 tuổi, tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con. Hỏi trước đây mấy năm tuổi con bằng $\frac{1}{5}$ tuổi mẹ?

Bài 157 : Tìm x :

a) $x \times 2 < 7$ b) $x \times 3 < 7 \times 3$ c) $4 < x \times 2 < 10$

Bài 158:

a) Trong một phép chia, số bị chia gấp 7 lần số chia. Tìm thương của phép chia đó .

b) Trong một phép chia, tích của số chia và số thương là 75. Tìm số bị chia của phép chia đó.

Bài 159: Đường gấp khúc ABCDE gồm bốn đoạn, biết đoạn $AB = 7\text{cm}$, $BC = 9\text{cm}$. Tổng độ dài hai đoạn AB và BC bằng tổng độ dài hai đoạn CD và DE, đoạn DE dài hơn đoạn CD là 6cm. Tính độ dài đoạn DE, đoạn CD và độ dài đường gấp khúc ABCDE.

Bài 160: Trên đoạn đường 30m người ta trồng được 6 cây cách đều nhau và hai đầu đường đều có cây. Hỏi trên đoạn đường 60m, cũng trồng cây như vậy thì trồng được tất cả bao nhiêu cây?

Bài 161: Năm nay (2008) Lan 10 tuổi và em của Lan 5 tuổi. Hỏi Lan sinh năm nào? Đến năm 2012 em của Lan mấy tuổi?

Bài 162: Một thùng đựng 30 quả trứng thì nặng 8kg. Cũng cỏi thùng đó đựng 40 quả trứng thì nặng 10kg. Hỏi riêng cái thùng nặng mấy ki-lô-gam?

Bài 163 : Tìm các chữ số a, b, c, d trong mỗi phép tính sau:

a) $\overline{bbb} + c = \overline{caaa}$

b) $\overline{cba} \times 5 = \overline{dcd}$

c) $\overline{8a} : 8 = \overline{ba}$

Bài 164: Khi lấy một số lớn hơn 0 chia cho 5 ta được số dư gấp 3 lần số thương. Tìm số bị chia trong phép chia đó.

Bài 165: Có 30 cuốn sách đựng trong ba ngăn. Bạn Bình lấy ra 15 cuốn ở ngăn thứ nhất chuyển sang ngăn thứ hai thì số sách ở ba ngăn bằng nhau. Hỏi lúc đầu ở mỗi ngăn có bao nhiêu cuốn sách?

Bài 166: Cứ 20 cái bánh nướng đựng đều trong 6 hộp. Cô giáo mua về cho lớp mẫu giáo 5 hộp như vậy và chia đều cho các cháu, mỗi cháu được nửa cái. Hỏi lớp mẫu giáo đó có bao nhiêu cháu?

Bài 167: Tuổi của Hoa sau đây 3 năm gấp 3 lần tuổi Hoa trước đây 3 năm. Hỏi hiện nay Hoa mấy tuổi?

Bài 168: Lúc đầu số dầu ở trong thùng thứ nhất bằng $\frac{1}{3}$ thùng của nó, số dầu thùng thứ hai bằng $\frac{1}{4}$ thùng của nó. Người ta đổ thêm cho đầy dầu ở mỗi thùng thì cần phải đổ thêm tất cả 20l. Hỏi mỗi thùng chứa đầy được bao nhiêu lít dầu? Biết số dầu lúc đầu ở hai thùng bằng nhau.

Bài 169: Từ ba chữ số 4, 1, 5 hãy viết tất cả các số có hai chữ số (mỗi chữ số có thể lặp lại). Có bao nhiêu số như thế?

Bài 170: Tìm số có ba chữ số biết tổng các chữ số của nó bằng 19.

Bài 171 : Tìm số có ba chữ số và số có hai chữ số, biết tổng của hai số đó là 11.

Bài 172: Tích của hai số gấp 5 lần thừa số thứ nhất. Tìm thừa số thứ hai.

Bài 173: Thùng thứ nhất có 6l dầu, thùng thứ hai có 4l dầu. Hỏi phải cùng rót thêm vào mỗi thùng một số lít dầu là bao nhiêu để số dầu của thùng thứ hai gấp đôi số dầu ở thùng thứ nhất.

Bài 174: Cứ hai bạn đấu với nhau thì được một ván cờ. Hỏi có 4 bạn đấu với nhau thì được mấy ván cờ(mỗi bạn đều được đấu với mỗi bạn khác).

Bài 175 : Tính giá trị của biểu thức sau (với b là một số)

a) $(b \times 1 - b : 1) \times (b \times 32)$

b) $(135 + 15 \times 4) \times (b \times 15 - b \times 7 - b \times 8).$

Bài 176: Một cái can đựng đầy dầu thì cùn nặng 15kg. Can không đựng gỗ thờ cùn nặng 1kg. Hỏi khi đó đựng hết nửa số dầu trong can thì can dầu đó cùn nặng bao nhiêu kg?

Bài 177: Thương hai số là 9. Nếu giữ nguyên số chia và giảm số bị chia đi 16 thì thương hai số là 7. Tìm hai số đó.

Bài 178: Hai tổ công nhân sửa hai đoạn đường. Sau khi tổ thứ nhất sửa được $\frac{1}{5}$ đoạn đường thì còn lại 72m. Sau khi tổ thứ hai sửa được $\frac{1}{4}$ đoạn đường thì còn lại 75m. Hỏi đoạn đường của tổ thứ hai dài hơn đoạn đường của tổ thứ nhất bao nhiêu mét?

Bài 179: Hai tổ học sinh trồng cây quanh trường. Cứ mỗi lần tổ Một trồng được 3 cây thì tổ hai trồng được 5 cây. Sau một số ngày trồng cây tổ Hai trồng được nhiều hơn tổ Một 12 cây. Hỏi mỗi tổ trồng được bao nhiêu cây?

Bài 180: Một hình chữ nhật có chu vi là 64m, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 181 : Tính giá trị của biểu thức:

a) $2 + 4 + 6 + 8 + \dots + 34 + 36 + 38 + 40$

b) $1 + 3 + 5 + 7 + \dots + 35 + 37 + 39$

Bài 182: An, Bình, Chi mỗi bạn có một số nhãn vở, An cý 27 nhãn vở. Nếu An chuyển cho Bình 3 nhãn vở, Bình chuyển cho Chi 1 nhãn vở thì ba bạn có số nhãn vở bằng nhau. Hỏi:

- a) Bình, Chi mỗi bạn có bao nhiêu nhãn vở?
- b) Cả ba bạn có bao nhiêu nhãn vở?

Bài 183 : Tìm số bị chia, biết số chia là 7, số thương là 9, số dư là số dư lớn nhất có thể có trong phép chia này.

Bài 184: Hai năm nữa thì tuổi của Hoàng bằng $\frac{1}{4}$ tuổi bố Hoàng. Tổng số tuổi hiện nay của hai bố con là 46 tuổi. Tính tuổi hiện nay của mỗi người.

Bài 185: Ba tổ công nhân chuyển hàng vào kho. Tổ Một chuyển ít hơn tổ Hai 16 kiện hàng, tổ Hai chuyển ít hơn tổ Ba 10 kiện hàng.

Hỏi mỗi tổ chuyển được bao nhiêu kiện hàng, biết tổ Một và tổ Hai chuyển được 106 kiện hàng.

Bài 186: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 42m, chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Tính chu vi mảnh đất đó.

Bài 187 : Tính giá trị của biểu thức:

- a) $\underline{6 + 6 + 6 + \dots + 6} + 400$
Cý 100 số 6
- b) $42 \times 3 + 42 \times 5 + 42 \times 4 - 84$
- c) $4570 - 135 \times 8 + 846 : 3$

Bài 188: Hai năm nữa tuổi anh sẽ gấp 2 lần tuổi em. Tính tuổi mỗi anh em hiện nay, biết tổng số tuổi của anh và em hiện nay là 32 tuổi.

Bài 189 : Hai số có hiệu là 59. Nếu lấy số lớn chia cho số bé thì được 7 dư 5. Tìm hai số đó.

Bài 190: Có ba ngăn sách. Nếu chuyển 15 quyển từ ngăn thứ hai sang ngăn thứ nhất thì ngăn thứ nhất hơn ngăn thứ hai 5 quyển. Nếu chuyển 3 quyển từ ngăn thứ ba sang ngăn thứ hai thì số sách hai ngăn bằng nhau. Tính số sách có trong mỗi ngăn, biết tổng số sách ngăn thứ hai và ngăn thứ ba là 100 quyển.

Bài 191: Một đoàn học sinh đi thăm quan bằng ô tô. Đến lúc đi, số học sinh tăng thêm 27 em so với dự tính, do đó mỗi xe phải chở thêm 3 học sinh. Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu học sinh, biết tổng số học sinh đi thăm quan là 405 em?

Bài 192: Một hình chữ nhật và một hình vuông có chu vi bằng nhau và bằng 36cm. Chiều rộng hình chữ nhật bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài. Hỏi diện tích hình vuông hơn diện tích hình chữ nhật bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

Bài 193 : Tính giá trị của biểu thức bằng cách hợp lý:

- a) $36 \times 9 + 6 + 64 \times 10$
- b) $(400 \times 5 - 150) \times (333 - 111 \times 3)$
- c) $(666 - 333 \times 2) : (150 - 50 \times 2)$.

Bài 194: Xuân tính 46×8 , sau đó Xuân thêm 3 đơn vị vào một trong hai thừa số thì tích tăng thêm 24. Hỏi Xuân thêm 3 đơn vị vào thừa số nào?

Bài 195 : Có hai cuộn dây điện dài tất cả 120m. Cuộn thứ hai dài bằng $\frac{1}{3}$ cuộn thứ nhất. Hỏi phải chuyển bao nhiêu mét từ cuộn thứ nhất sang cuộn thứ hai để hai cuộn dài bằng nhau?

Bài 196: Hiện nay mẹ hơn con 24 tuổi, 2 năm nữa tuổi con bằng $\frac{1}{5}$ tuổi mẹ. Tính tuổi hiện nay của mỗi người.

Bài 197: Có hai ngăn sách, ngăn thứ nhất chứa 90 quyển. Ngăn thứ hai chứa 36 quyển. Ngọc lấy ra ở mỗi ngăn số sách như nhau, số sách còn lại ở ngăn thứ nhất gấp 3 lần số sách còn lại ở ngăn thứ hai. Hỏi Ngọc lấy ra ở mỗi ngăn bao nhiêu quyển sách?

Bài 198: Có hai tấm vải dài tất cả 100m. Tấm thứ hai dài bằng $\frac{1}{4}$ tấm thứ nhất. Nếu tấm thứ hai bán đi 9m thì tấm thứ nhất phải bán đi bao nhiêu mét để số vải còn lại ở tấm thứ nhất gấp 6 lần số vải còn lại ở tấm thứ hai?

Bài 199 : Thương của hai số gấp 21 lần số chia nhưng chỉ bằng nửa số chia. Tìm số chia, số bị chia.

Bài 200: Tích hai số là 54. Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải thừa số thứ nhất và giữ nguyên thừa số thứ hai thì tích hai số này là bao nhiêu?

Bài 201 : Có hai thùng mì chính chứa tất cả 84kg. Thùng thứ hai chứa 27kg. Hỏi phải chuyển bao nhiêu ki-lô-gam từ thùng thứ hai sang thùng thứ nhất để thùng thứ nhất có số ki-lô-gam mì chính gấp 3 lần thùng thứ hai?

Bài 202: Có hai hộp kẹo, biết $\frac{1}{5}$ số kẹo ở gói thứ nhất bằng $\frac{1}{3}$ số kẹo trong hộp thứ hai.

Hộp thứ nhất hơn hộp thứ hai 46 cái kẹo. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu cái kẹo?

Bài 203: Hiện nay anh 9 tuổi, em 1 tuổi. Hỏi sau đây mấy năm tuổi anh gấp 3 lần tuổi em?

Bài 204: Cho ba chữ số 2, 3, 5. Hãy lập tất cả các số có ba chữ số khác nhau từ ba chữ số đã cho. Tính tổng các số lập được.

Bài 205 : Tìm y:

a) $y \times b = \overline{bbb}$

b) $\overline{bb} : y = b$

c) $b : y = b \times y$

Bài 206: Tìm ba số, biết số thứ nhất gấp 3 lần số thứ hai, số thứ hai gấp 3 lần số thứ ba, tổng của số thứ nhất và số thứ ba là 90.

Bài 207: Lớp 3A có 31 học sinh. Nếu số học sinh nam bớt đi 3 thì $\frac{1}{4}$ số học sinh nữ bằng $\frac{1}{3}$ số học sinh nam. Hỏi số học sinh nam là bao nhiêu? Số học sinh nữ là bao nhiêu?

Bài 208: Can thứ nhất chứa được 40l xăng, can thứ hai chứa được bằng $\frac{1}{5}$ can thứ nhất.

Can thứ ba chứa được bằng $\frac{1}{4}$ can thứ nhất. Can thứ tư chứa được bằng $\frac{1}{2}$ can thứ nhất.

Hỏi can thứ tư chứa được nhiều hơn cả hai can thứ hai và thứ ba bao nhiêu lít xăng?

Bài 209: Nhân ngày “Quốc phòng toàn dân”, An, Phú, Bình sưu tầm được 51 tấm ảnh nói về “Anh bộ đội cụ Hồ” để trưng bày. Phú sưu tầm được nhiều hơn An 3 tấm ảnh, Bình sưu tầm được số ảnh gấp đôi số ảnh của An. Hỏi mỗi người sưu tầm được bao nhiêu tấm ảnh?

Bài 210: Lớp 3A có 34 học sinh. Phòng học của lớp đó loại bàn 4 chỗ ngồi. Hỏi phòng học đó cần ít nhất bao nhiêu bàn học như thế?

Bài 211 : Tìm y:

a) $y \times 9 = 4122$

b) $y : 8 = 1928$

c) $(y + 475) : 7 = 374$

d) $(10 + y) - (5 \times 2 + y) = 0$

Bài 212: Ba bao gạo chứa 154kg. Tổng số gạo ở bao thứ nhất và bao thứ ba hơn tổng số gạo ở bao thứ nhất và bao thứ hai là 9kg. Bao thứ hai hơn bao thứ nhất 5kg. Hỏi mỗi bao chứa được bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài 213: Hiện nay tổng số tuổi của hai con là 30 tuổi. Tuổi bố là 48 tuổi. Hỏi bao nhiêu năm nữa tổng số tuổi hai con bằng tuổi bố?

Bài 214: Hai ngăn sách có 423 quyển. Biết $\frac{1}{4}$ số sách ở ngăn thứ nhất thì bằng $\frac{1}{5}$ số sách ở ngăn thứ hai. Hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách?

Bài 215: Một cửa hàng ngày đầu bán 5486kg xi măng, ngày thứ hai bán gấp hai lần ngày đầu, ngày thứ ba bán bằng nửa số xi măng bán được của cả hai ngày đầu. Hỏi ngày thứ ba bán được bao nhiêu ki-lô-gam xi măng?

Bài 216: Tổng ba số là 56. Nếu số thứ nhất bớt 5, số thứ hai thêm 5, số thứ ba giảm đi 5 lần thì được ba số bằng nhau. Tìm mỗi số đó.

Bài 217: Tính giá trị biểu thức bằng cách hợp lý:

a) $45 \times 5 + 45 \times 4 + 45$

b) $24 \times 8 + 30 \times 8 + 46 \times 8 - 500$

c) $18 \times 7 + 18 \times 16 - 18 \times 14 + 18$

Bài 218: Tổng hai số là 373. Nếu lấy số lớn chia cho số nhỏ thì được thương là 4 dư 3. Tìm hiệu hai số đó.

Bài 219 : Hiện nay bố 36 tuổi. Tuổi Nhung bằng $\frac{1}{6}$ tuổi bố. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa tuổi Nhung bằng $\frac{1}{4}$ tuổi bố?

Bài 220: Có hai gói kẹo, biết $\frac{1}{3}$ số kẹo trong gói thứ nhất thì bằng $\frac{1}{4}$ số kẹo trong gói thứ hai. Biết tổng số kẹo trong hai gói là 147 cái kẹo. Hỏi mỗi gói có bao nhiêu cái kẹo?

Bài 221: Có 189kg mì chính dự định để vào 9 thùng to thì vừa hết. Nhưng không có thùng to nên phải để vào các thùng nhỏ, mỗi thùng nhỏ đựng được ít hơn thùng to 12kg. Hỏi cần bao nhiêu thùng nhỏ thì chứa hết 189kg mì chính đó?

Bài 222: Hiệu hai số là 54. Thương hai số là 7. Tìm tổng hai số đó.

Bài 223: Tính bằng cách hợp lý:

a) $32 - 16 + 28 - 24$

b) $13 - 6 - 4 + 7 - 3 + 8 - 7 + 2$

c) $75 - 34 + 25 - 26 + 20$

Bài 224: Tích hai số là 720. Thừa số thứ nhất là số chia hết cho 5. Nếu thừa số thứ nhất giảm đi 5 lần thì tích hai số là bao nhiêu?

Bài 225 : Một số gồm ba chữ số 3, 4, 5 nhưng chưa biết thứ tự các chữ số đó. Nếu xoá đi một chữ số thì số đó giảm đi 481. Tìm chữ số bị xoá. Chữ số đó nằm trong số nào?

Bài 226: Có ba bao gạo, biết $\frac{1}{3}$ gạo trong bao thứ nhất thì bằng $\frac{1}{2}$ số gạo trong bao thứ hai. Bao thứ ba có số gạo bằng nửa bao thứ hai, biết bao thứ nhất hơn bao thứ hai 24kg. Hỏi mỗi bao chứa được bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài 227: Mẹ cho Hoa 25 nhãn vở, mẹ cho Hồng ít hơn cho Hoa 9 nhãn vở, mẹ cho Huệ nhiều hơn cho Hồng 6 nhãn vở. Hỏi Hoa được mẹ cho nhiều hơn Huệ bao nhiêu nhãn vở?

Bài 228: Cho hình chữ nhật có diện tích là 135m², chiều rộng là 9cm. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

Bài 229 : Tính giá trị biểu thức:

a) $485 \times 5 + 4921 : 7$

c) $642 : 3 + 78 \times 4$

b) $2040 + 189 : 9 - 375$

d) $(260 + 182 : 2) \times 6 + 124$

Bài 230: Hai tổ công nhân làm đường, biết $\frac{1}{5}$ số người ở tổ thứ nhất thì bằng $\frac{1}{3}$ số người ở tổ thứ hai. Nếu tổ thứ nhất chuyển sang tổ thứ hai 15 người thì số người ở hai tổ bằng nhau. Tính số người ở mỗi tổ.

Bài 231 : Tích hai số là 1099. Nếu giảm thừa số thứ nhất đi 3 đơn vị thì được tích mới là 628. Tìm thừa số thứ hai.

Bài 232: Minh tìm tích 16×7 sau đó Minh thêm 2 đơn vị vào một trong hai thừa số trên thì tích tăng thêm 32 đơn vị. Hỏi Minh đã thêm 2 đơn vị vào thừa số nào?

Bài 233: Hai người thợ chia nhau 287 000 đồng. Số tiền của người thợ thứ nhất gồm 3 phần bằng nhau thì số tiền của người thợ thứ hai gồm 4 phần như thế. Hỏi mỗi người được bao nhiêu tiền?

Bài 234: Năm nay Tuyết 8 tuổi, Tuyết kém Hường 1 tuổi nhưng hơn Lan 1 tuổi. Hỏi 2 năm nữa tổng số tuổi của ba người gấp mấy lần tuổi Tuyết khi đó?

Bài 235: Hãy điền dấu ngoặc vào biểu thức $25 \times 4 + 18 : 2 + 7$ để giá trị của biểu thức bằng:

a) 102

b) 66

Bài 236: Tổng số tuổi của hai bố con hiện nay là 49 tuổi, 3 năm nữa thì tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi bố. Tính tuổi bố, tuổi con hiện nay.

Bài 237: Một phép chia có số chia là 9, số thương là 6, số dư là số dư lớn nhất có thể có trong phép chia này.

- a) Tìm số bị chia trong phép chia đó.
- b) Nếu thêm 1 đơn vị vào số bị chia thì phép chia thay đổi thế nào?

Bài 238: Một bao gạo có 89kg. Lần đầu người bán hàng bán 26kg. Lần thứ hai người đó bán $\frac{1}{3}$ số gạo còn lại. Hỏi sau hai lần bán bao gạo còn lại bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài 239: Có hai rổ cam. Nếu thêm 15 quả vào rổ thứ nhất thì số cam ở hai rổ bằng nhau. Nếu thêm 15 vào rổ thứ hai thì rổ thứ hai có số cam gấp hai lần rổ thứ nhất. Hỏi mỗi rổ có bao nhiêu cam?

Bài 240:

- a) Từ 2004 đến 2089 có bao nhiêu số?
- b) Muốn viết 197 số liên tiếp bắt đầu từ số 6732 thì số cuối cùng phải viết là số nào?

Bài 241: Tính giá trị biểu thức:

- a) $(900 : 9 - 5) \times (32 + 68 : 4 - 40)$
- b) $(63 : 9 - 7) : (35 : 7 + 25 \times 3)$

Bài 242: Ba tổ công nhân chuyển hàng vào kho. Tổ Một chuyển ít hơn tổ Hai 16 kiện hàng, tổ Hai chuyển ít hơn tổ Ba 10 kiện hàng. Hỏi mỗi tổ chuyển được bao nhiêu kiện hàng, biết tổ Một và tổ Hai chuyển được 106 kiện hàng.

Bài 243: Bao gạo tẻ cân nặng gấp 3 lần bao gạo nếp. Nếu lấy ra 60kg gạo tẻ và 4kg gạo nếp thì số gạo còn lại ở hai bao bằng nhau. Tính số ki-lô-gam gạo ở mỗi bao.

Bài 244: Tuổi của bố gấp 4 lần tuổi của Chi. Tuổi Chi gấp 3 lần tuổi em Chi. Tuổi bố hơn tuổi Chi 27 tuổi. Tính tuổi bố và của chị em Chi.

Bài 245: Tổng hai số là 75. Nếu gấp số thứ nhất lên 2 lần thì bằng nửa số thứ hai. Tìm hai số đó.

Bài 246: Một hình vuông có cạnh 5cm.

- a) Tính chi vi diện tích hình vuông đó.
- b) Tìm chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật có cạnh chu vi với hình vuông trên nhưng có diện tích nhỏ hơn.

Bài 247 : Tính giá trị biểu thức sau bằng cách hợp lý:

a) $9 \times 9 + 25 \times 9 + 33 \times 18$

b) $7 \times 2 + 28 + 14 \times 2$

Bài 248: Tích hai số là 720. Thừa số thứ nhất có tận cùng là 0, nếu xoá đi chữ số 0 đó thì tích hai số là bao nhiêu?

Bài 249: Có 346kg mì chính, người ta đã bán đi 124kg. Số còn lại đựng đều vào 6 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam mì chính?

Bài 250: Có hai ngăn sách gồm 304 quyển. Biết $\frac{1}{5}$ số sách ở ngăn thứ nhất bằng $\frac{1}{3}$ số sách ở ngăn thứ hai. Hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách?

Bài 251: Cho đoạn thẳng AB dài 6cm là đường kính của hình tròn. Trung điểm O của đoạn thẳng AB cách A bao nhiêu xăng-ti-mét? Trung điểm đó trong hình trên gọi là gì? Vẽ hình tròn đó.

Bài 252: Tìm một số, biết rằng nếu giảm số đó đi 5 lần sau đó bớt đi 76 thì được 19.